

Số: 2681/QĐ-BVĐHYD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu
cung cấp bổ sung vật tư y tế tiêu hao năm 2022 (lần 3)**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 3639/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 2518/QĐ-BVĐHYD ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp bổ sung vật tư y tế tiêu hao năm 2022 (lần 3);

Theo đề nghị của Tổ Chuyên gia tại Tờ trình số 02/TTr-TCG ngày 29 tháng 10 năm 2022 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp bổ sung vật tư y tế tiêu hao năm 2022 (lần 3) và Báo cáo thẩm định số 02/BCTĐ-TTĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Tổ Thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp bổ sung vật tư y tế tiêu hao năm 2022 (lần 3).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp bổ sung vật tư y tế tiêu hao năm 2022 (lần 3) với các nội dung sau:

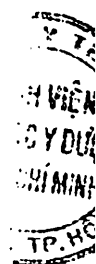
- Tên nhà thầu trúng thầu: 46 nhà thầu;

STT	STT HSDX	Tên nhà thầu	Số danh mục	Giá trị (VND)
1.	1	Công ty Cổ phần thương mại và dược phẩm Tân Thành	3	190.570.000
2.	2	Công ty TNHH VTYT Phương Lan	1	986.850.000
3.	3	Công ty TNHH Dược phẩm Phương Phương	9	7.378.833.200



STT	STT HSDX	Tên nhà thầu	Số danh mục	Giá trị (VND)
4.	5	Công ty TNHH thiết bị và Dịch vụ Công Nghệ Cao Ngọc Mỹ	1	352.650.000
5.	6	Công ty Cổ phần thiết bị y tế Việt Sing	1	84.000.000
6.	7	Công ty TNHH thương mại dịch vụ kỹ thuật xuất nhập khẩu Huy Hoàng	2	242.323.000
7.	8	Công ty TNHH trang thiết bị y tế B.M.S	2	290.500.000
8.	9	Công ty Cổ phần dược phẩm trung ương Codupha	2	389.287.500
9.	10	Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Vinatrading	2	1.730.000.000
10.	11	Công ty Cổ phần Vietmedic	7	4.382.576.000
11.	12	công ty TNHH Trang thiết bị và VTYT Hoàng Việt Long	1	157.500.000
12.	13	Công ty TNHH TBYT Đình Cao	1	75.000.000
13.	14	Công ty Cổ Phần Y Tế Nhất Minh	1	175.000.000
14.	15	Công ty TNHH Thương Mại Diên Niên	1	16.105.320
15.	16	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Phúc Tín	4	3.761.000.000
16.	17	Công ty Cổ phần trang thiết bị y tế Trọng Tín	1	16.800.000
17.	18	Công ty TNHH TM DV H.T.L	1	1.068.000.000
18.	19	Công ty TNHH Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế Ki Ta Pi Da	2	728.500.000
19.	20	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu trang thiết bị y tế Tâm Thu	1	2.610.000.000

STT	STT HSDX	Tên nhà thầu	Số danh mục	Giá trị (VND)
20.	21	Công ty TNHH Đạt Phú Lợi	1	4.166.400
21.	22	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	4	2.664.940.000
22.	24	Công ty TNHH Thiết bị Y tế Khải Vinh	19	8.429.740.000
23.	25	Công ty TNHH Y Nha Khoa 3D	1	67.200.000
24.	26	Công ty TNHH IDS Medical Systems Việt Nam	3	604.400.000
25.	27	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ và Sản xuất Việt Tường	1	206.250.000
26.	28	Công ty Cổ phần Novamedic Việt Nam	4	835.900.000
27.	29	Công ty TNHH Thiết bị y tế Danh	2	7.170.000.000
28.	30	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông	1	2.052.000.000
29.	31	Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Công Nghệ Xanh	6	6.219.173.730
30.	32	Công ty TNHH thương mại thiết bị y tế An Lợi	5	3.524.670.744
31.	33	Tổng công ty TBYT Việt Nam - CTCP	4	104.640.000
32.	34	Công ty TNHH trang thiết bị y tế Anh Khoa	1	115.800.000
33.	35	Công ty TNHH Công Nghệ Y học Chí Anh	2	278.932.500
34.	36	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Y Khoa Việt Long	1	34.800.000
35.	37	Công ty Cổ phần thiết bị y tế Việt Gia	2	268.000.000



STT	STT HSDX	Tên nhà thầu	Số danh mục	Giá trị (VND)
36.	38	Công ty Cổ phần thiết bị y tế Hoàng Nga	2	400.100.000
37.	39	Công ty TNHH Việt Y	1	144.000.000
38.	40	Công ty Cổ phần dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội	12	2.606.089.752
39.	41	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1	1	100.800.000
40.	42	Công ty TNHH DKSH Việt Nam	1	42.000.000
41.	43	Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Bảo Nguyên	3	1.061.330.000
42.	45	Công ty TNHH Thương mại- dịch vụ kỹ thuật Hoàng Lộc	1	42.000.000
43.	46	Liên danh Công ty Cổ phần thiết bị y tế Việt Gia và Công ty TNHH DK Medical	2	305.900.000
44.	47	Liên danh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương CPC1 - Công ty TNHH Thương Mại Diên Niên	1	186.480.000
45.	48	Công ty TNHH thiết bị y tế Thiên Y	6	2.551.400.000
46.	49	Công ty TNHH thương mại thiết bị y tế An Pha	4	115.910.340
		Tổng cộng	134	64.772.118.486

- Giá trúng thầu: 64.772.118.486 VND (*Bằng chữ: Sáu mươi bốn tỷ, bảy trăm bảy mươi hai triệu, một trăm mười tám ngàn, bốn trăm tám mươi sáu đồng*);
Giá trên đã bao gồm thuế, phí và các chi phí có liên quan;
- Danh mục trúng thầu: *Chi tiết theo phụ lục đính kèm.*

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 10 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2. Phòng Vật tư thiết bị chịu trách nhiệm hoàn thiện hợp đồng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông/Bà Trưởng phòng Hành chính, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng Đơn vị Quản lý đầu thầu, Trưởng Phòng Vật tư thiết bị và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *DM*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, VTTB (M04-050-lctthao) (8).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Bắc



h. M04

PHỤ LỤC DANH MỤC SẢN PHẨM VÀ NHÀ THẦU ĐỀ NGHỊ TRÚNG THẦU

(Đính kèm theo Quyết định số 2681/QĐ-BVĐHYD ngày 01/11/2022)

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần thương mại và dược phẩm Tân Thành (Mã HSDX: 1)															
1	3	Đầu nối cho ống thông lọc màng bụng, kết nối giữ bộ chuyển tiếp và catheter	4	38	77.140.000	Đầu nối ống thông lọc màng bụng (Locking Titanium Adapter for peritoneal dialysis catheter)	5C4129	Baxter Healthcare S.A	Ireland	Baxter Healthcare Corporation/ Mỹ	Hộp/5 cái	Cái	38	2.030.000	77.140.000
2	4	Túi chứa dịch xả, cỡ 15 lít	3	800	53.600.000	Túi đựng dịch xả 15L (15L cyclor drainage bag)	5C4145P	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	Baxter Healthcare Corporation/ Mỹ	Hộp/30 cái	Cái	800	67.000	53.600.000
3	5	Bộ phận chuyển tiếp dùng trong lọc màng bụng kết nối giữa catheter và túi dịch lọc	3	193	59.830.000	Bộ chuyển tiếp (Minicap Extended Life PD Transfer Set with Twist Clamp)	5C4482	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	Baxter Healthcare Corporation/ Mỹ	Hộp/6 cái	Cái	193	310.000	59.830.000
		Tổng cộng:	3	danh mục										Giá trị:	190.570.000
2. Tên nhà thầu: Công ty TNHH VTYT Phương Lan (Mã HSDX: 2)															
4	125	Clip mạch máu polymer, đường kính 3-> 16mm	2	11.610	986.850.000	Clip Polymer Hem-o-lok các size ML, L, XL	544220 544230 544240 544250	Hudson Respiratory Care Tecate S.De R.L De C.V (a Teleflex Medical Company)	Mexico	Teleflex Medical/ Hoa Kỳ	V7/ 6 cái	Cái	11.610	85.000	986.850.000
		Tổng cộng:	1	danh mục										Giá trị:	986.850.000
3. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược phẩm Phương Phương (Mã HSDX: 3)															
5	14	Chỉ không tan đơn sợi tổng hợp polypropylen phủ PEG, số 4/0, 90cm	2	504	80.640.000	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 4-0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn CV-15, 3/8C, 17mm	VP-581X	Covidien	Dominica	Covidien LLC/ Mỹ	Hộp/ 36 tệp	Tệp	504	160.000	80.640.000

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
6	15	Chỉ không tan đa sợi polyester phủ silicon, 2/0, dài 75cm	2	198	148.856.400	Chỉ không tan tổng hợp sợi bên Ticon số 2-0 dài 75, 2 kim tròn đầu nhọn CV-316, 1/2C, 20mm. Đóng gói Multipack	88863385-56	Covidien	Dominica	Covidien LLC/ Hoa Kỳ	6 tép/hộp 10 sợi/tép	Tép	198	751.800	148.856.400
7	16	Chỉ tan đa sợi bằng Lactamer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi calcium stearoyl lactylate	2	5.544	439.500.600	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 1, dài 90cm, kim tròn đầu nhọn GS-24 1/2C, 40mm	CL-915	Covidien	USA	Covidien LLC/ Mỹ	Hộp/ 36 tép	Tép	5.544	79.275	439.500.600
8	17	Mảnh ghép nặng dùng trong điều trị thoát vị vùng bẹn mổ nội soi, bằng polypropylene	1	45	80.098.200	Tấm màng nâng thoát vị bẹn nhẹ, đơn sợi Parietene, kích thước 15x15cm	PPL1515	Sofradim Production	Pháp	Sofradim Production/ Pháp	Hộp /1 miếng	Miếng	45	1.779.960	80.098.200
9	18	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi 5/0 dài 90cm, 2 Kim tròn đầu nhọn dài 17mm, 1/2C	2	1.812	247.338.000	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 5-0 dài 90, 2 kim tròn đầu nhọn CV-23, 1/2C, 17mm	VP-556X	Covidien	Dominica	Covidien LLC/ Mỹ	Hộp/ 36 tép	Tép	1.812	136.500	247.338.000
10	34	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị vùng bụng bằng polypropylene, 12-15cm	1	10	12.000.000	Lưới thoát vị bẹn nhẹ, đơn sợi Parietene chất liệu Polypropylene, kích thước 15x10 cm PPL1510X3	PPL1510X3	Sofradim Production	Pháp	Sofradim Production/ Pháp	3 miếng/ hộp	Miếng	10	1.200.000	12.000.000
11	35	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, 3 hàng ghim, 21-33mm	1	96	1.209.600.000	Dụng cụ cắt khâu nối tròn các cỡ, công nghệ Tri-Staple thiết kế 3 hàng ghim dập với chiều cao khác nhau	TRIEEA28MT; TRIEEA31MT; TRIEEAXL33MT	Covidien	Mỹ	Covidien LLC/ Mỹ	Hộp/ 3 bộ	Bộ	96	12.600.000	1.209.600.000
12	36	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động	1	206	1.133.000.000	Dụng cụ cắt khâu nối tự động dùng trong phẫu thuật nội soi Endo GIA Ultra Universal, có khả năng gấp góc 45 độ với 5 điểm gấp góc mỗi bên và một điểm ở giữa. Trục dài 16cm	EGIAUSTND	Covidien	Mỹ	Covidien LLC/ Mỹ	Hộp/ 3 bộ	Bộ	206	5.500.000	1.133.000.000
13	37	Băng dán của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng, mô dày và mô trung bình, 60mm	1	822	4.027.800.000	Băng ghim nội soi công nghệ tristaple có 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm, chiều dài băng ghim 60mm.	EGIA60AMT	Covidien	Mỹ	Covidien LLC/ Mỹ	hộp/ 6 cái	Cái	822	4.900.000	4.027.800.000
Tổng cộng:			9	danh mục										Giá trị:	7.378.833.200

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
4. Tên nhà thầu: Công ty TNHH thiết bị và Dịch vụ Công Nghệ Cao Ngọc Mỹ (Mã HSDX: 5)															
14	117	Quả lọc máu tim phổi dùng trong phẫu thuật tim cho trẻ em và người lớn, diện tích màng lọc 0.3m²/1.4m²	1	150	352.650.000	Quả lọc cô đặc máu	TU-250-14	INFOMED SAS	Pháp	Infomed SA/ Thụy Sĩ	1 Cái/Bộ	Bộ	150	2.351.000	352.650.000
		Tổng cộng:	1	danh mục										Giá trị:	352.650.000
5. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần thiết bị y tế Việt Sing (Mã HSDX: 6)															
15	124	Vít chỉ khâu sụn chêm 2 neo	3	12	84.000.000	Vít chỉ khâu sụn chêm ULTRA FASTFIX	ULTRA FASTFIX/ 72201491	Smith & Nephew, Inc.	Mỹ, Costa Rica	Smith & Nephew, Inc./ Mỹ	Cái/Hộp	Cái	12	7.000.000	84.000.000
		Tổng cộng:	1	danh mục										Giá trị:	84.000.000
6. Tên nhà thầu: Công ty TNHH thương mại dịch vụ kỹ thuật xuất nhập khẩu Huy Hoàng (Mã HSDX: 7)															
16	98	Dây tạo nhịp tạm thời mang bóng lưỡng cực	3	20	50.578.000	Dây lưỡng cực tạo nhịp tạm thời dạng Eledyn F5 có mang bóng, chất liệu Polyurethane (ELEDYN EB10 F5)	5101506	Aesculap Chifa Sp.z o.o.	Ba Lan	B. Braun Melsungen AG/ Đức	Hộp/5 Bộ	Bộ	20	2.528.900	50.578.000
17	102	Mạch máu nhân tạo chữ Y bằng polyester, tấm Gelatin, dài 40 cm	3	15	191.745.000	Mạch máu nhân tạo chia đôi loại dệt kim, cấu trúc nhung đôi, tấm Gelatin dài 40cm (UNI-GRAFT K DV BIFURCATION 40CM)	1104527, 1104560, 1104586, 11045xx, 11046xx (Các cỡ)	Aesculap A.G / Aesculap Chifa Sp.o.o	Đức/Ba Lan	Aesculap A.G / Đức	Hộp/ 1 cái	Cái	15	12.783.000	191.745.000
		Tổng cộng:	2	danh mục										Giá trị:	242.323.000
7. Tên nhà thầu: Công ty TNHH trang thiết bị y tế B.M.S (Mã HSDX: 8)															
18	146	Khớp háng toàn phần không xi măng, chòm ceramic miếng lót polyethylene, ổ cối chống trượt có cơ chế khóa miếng đệm kép, ổ cối và lớp lót có chống trượt 10 độ, miếng đệm có Vitamin E	3	3	216.000.000	Khớp háng toàn phần không xi măng loại Ceramic on PE	Chuôi: 88110xxxxx Chòm sứ: 397179xxxx Ổ cối: 881311xxxx Lót đệm ổ cối: 88120xxxxx Vít ổ cối: 8814006xxx	B-ONE	Mỹ	B-One Ortho Corp/ Mỹ	Gói/ 1 bộ (5 cái/bộ)	Bộ	3	72.000.000	216.000.000

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
19	147	Vít chỉ neo khâu sụn viền, bằng Poly Lactic Acid, 2 sợi siêu bền.	3	10	74.500.000	Vít chỉ neo khâu sụn viền	AR-19xxBF	Arthrex	Mỹ	Arthrex Inc./ Mỹ	Gói/1 cái	Cái	10	7.450.000	74.500.000
		Tổng cộng:	2	danh mục										Giá trị:	290.500.000
8. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần dược phẩm trung ương Codupha (Mã HSDX: 9)															
20	132	Bộ dây dẫn bơm tưới rửa dùng cho máy điều trị vết thương áp lực âm	4	35	105.000.000	Bộ ống dẫn lưu nước rửa vết thương Veralink, có giá đỡ bình nước cất	ULTLNK0500	Venusa de Mexico S. de R.L de C.V	Mexico	KCI Inc./ Hoa Kỳ	Gói/1 bộ	Bộ	35	3.000.000	105.000.000
21	141	Màng ghép dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi, bằng polyvinylidene fluoride	3	63	284.287.500	DynaMesh ENDOLAP 3D, PVDF, 10cm x 15cm	PV131015F1 PV131015F3	FEG Textiltechnik	Đức	FEG Textiltechnik/ Đức	Hộp/ 3 miếng	Miếng	63	4.512.500	284.287.500
		Tổng cộng:	2	danh mục										Giá trị:	389.287.500
9. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Vinatradng (Mã HSDX: 10)															
22	31	Dao cắt hàn mạch máu lưỡng cực trong mô nội soi, dài 30-40cm, đường kính 5mm	1	60	1.260.000.000	Tay dao cắt hàn mạch Ligasure Maryland	Ligasure™ Maryland Jaw Laparoscopic Sealer/ Divider LF1937	Covidien	Mỹ	Covidien LLC/ Hoa Kỳ	Hộp/ 6 cái	Cái	60	21.000.000	1.260.000.000
23	32	Dao siêu âm không dây hàn, cắt mô, mạch máu dùng trong mô nội soi, đường kính 5mm, dài 30- 40cm	1	20	470.000.000	Tay dao siêu âm không dây Sonicision	Sonicision™ Curved Jaw Cordless Ultrasonic SCDA 13/ SCDA 26/ SCDA 39/ SCDA 48	Covidien	Mỹ	Covidien LLC/ Hoa Kỳ	Hộp/6 cái	Cái	20	23.500.000	470.000.000
		Tổng cộng:	2	danh mục										Giá trị:	1.730.000.000
10. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Vietmedic (Mã HSDX: 11)															
24	38	Keo sinh học, 2ml	1	115	862.500.000	Keo sinh học và mạch máu và màng não BioGlue 2ml	BG3502-5-G	Cryolife Inc.	Mỹ	CryoLife, Inc./ Hoa Kỳ	Cái/ tube/2ml	cái	115	7.500.000	862.500.000
25	39	Keo sinh học, 5ml	1	219	1.905.300.000	Keo sinh học và mạch máu và màng não BioGlue 5ml	BG3515-5-G	Cryolife Inc.	Mỹ	CryoLife, Inc./ Hoa Kỳ	Cái/ tube/5ml	cái	219	8.700.000	1.905.300.000
26	41	Dụng cụ khâu cắt nối tự động sử dụng trong phẫu thuật cắt trĩ và sa niêm mạc trực tràng	6	64	280.896.000	Dụng cụ cắt nối sử dụng trong kỹ thuật cắt trĩ Longo	IIIROWSL-34-C	ChangZhou Waston Medical Appliance Co., Ltd.	Trung Quốc	ChangZhou Waston Medical Appliance Co.,Ltd/ Trung Quốc	Hộp/ 1 cái	cái	64	4.389.000	280.896.000

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
27	42	Dụng cụ khâu cắt nối tự động sử dụng trong phẫu thuật điều trị sa trực tràng và trĩ	3	90	585.000.000	Dụng cụ cắt nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Longo 33mm	DCSS-33F	Grena Ltd.	Anh quốc	Grena Ltd./ Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland	Hộp/ 1 bộ	Bộ	90	6.500.000	585.000.000
28	51	Clip mạch máu các cỡ	3	8.004	560.280.000	Clip nội soi Polyme các cỡ ML, L	0301-03ML; 0301-03L	Grena Ltd	Anh	Grena Ltd./ Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland	Ví/ 6 cái	Cái	8.004	70.000	560.280.000
29	99	Dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu loại nhỏ kèm dụng cụ nạp chốt titan dùng trong phẫu thuật mổ mở	3	5	99.000.000	Bộ dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu loại mổ mở kèm chốt titan thắt chỉ (Bộ combo dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu loại Mini kèm dụng cụ nạp chốt titan)	031450	LSI Solutions Inc.	Mỹ	LSI Solutions Inc./ Hoa Kỳ	Bộ gồm 2 dụng cụ + 12 nút chỉ	Bộ	5	19.800.000	99.000.000
30	126	Catheter lấy huyết khối các cỡ 2F-7F	3	70	89.600.000	Catheter lấy huyết khối các cỡ 2F-7F	1601-28 1601-38 1601-48 1601-58 1601-68 1601-78	LeMaitre Vascular Inc.	Mỹ	LeMaitre Vascular Inc./Mỹ	Gói/1 cái	Cái	70	1.280.000	89.600.000
		Tổng cộng:	7	danh mục										Giá trị:	4.382.576.000
11. Tên nhà thầu: công ty TNHH Trang thiết bị và VTYT Hoàng Việt Long (Mã HSDX: 12)															
31	123	Ông thông dẫn đường hỗ trợ đưa các dụng cụ can thiệp mạch vành đến các tổn thương khó tiếp cận	3	10	157.500.000	Ông thông hỗ trợ can thiệp mạch vành Guide plus II	52-639;52-795; 52-796	Nipro Corporation	Nhật	Nipro Corporation/ Nhật	hộp/1 cái	Cái	10	15.750.000	157.500.000
		Tổng cộng:	1	danh mục										Giá trị:	157.500.000
12. Tên nhà thầu: Công ty TNHH TBYT Đình Cao (Mã HSDX: 13)															
32	79	Bóng nong mạch ngoại biên	4	10	75.000.000	Bóng nong mạch ngoại biên Admiral Xtreme	SBxxxxx xxxx	Medtronic Mexico S.de R.L de CV- Mexico	Mexico	Invatec S.P.A/ Ý	Hộp/ 1 cái	Cái	10	7.500.000	75.000.000
		Tổng cộng:	1	danh mục										Giá trị:	75.000.000
13. Tên nhà thầu: Công ty Cổ Phần Y Tế Nhất Minh (Mã HSDX: 14)															
33	139	Chất nhầy phẫu thuật nội nhân, thành phần Hyaluronate Sodium 1.8%	3	250	175.000.000	Chất nhầy phẫu thuật Healon GV Pro 0.85ml	Healon GV Pro	Johnson & Johnson Surgical Vision-Mỹ	Thụy Điển	Johnson & Johnson Surgical Vision, Inc./ Hoa Kỳ	Hộp/ 1 ống	Ống	250	700.000	175.000.000
		Tổng cộng:	1	danh mục										Giá trị:	175.000.000

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
14. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương Mại Diên Niên (Mã HSDX: 15)															
34	19	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt, số 4/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn HR 22mm	1	252	16.105.320	NOVOSYN CHD VIOL 4/0 (1,5)70CM HR22(M)DDP	C0068029	B.Braun	Tây Ban Nha	B.Braun Surgical, S.A./ Tây Ban Nha	Hộp/ 36 tép	Tép	252	63.910	16.105.320
		Tổng cộng:	1	danh mục										Giá trị:	16.105.320
15. Tên nhà thầu: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Phúc Tín (Mã HSDX: 16)															
35	109	Stent chuyển dòng chảy cho túi phình mạch máu não gồm 64 sợi platinum với lớp phủ ái nước	3	6	1.410.000.000	Stent thay đổi dòng chảy p64 Flow Modulation Device	P64-250-9, P64-300-9, P64-300-12, P64-300-15, P64-350-9, P64-350-12, P64-350-15, P64-350-18, P64-350-21, P64-400-12, P64-400-15, P64-400-18, P64-400-21, P64-400-24, P64-400-27, P64-450-15, P64-450-18, P64-450-21, P64-450-24, P64-450-27, P64-500-18, P64-500-24, P64-500-30, P64-500-36	Phenox GmbH	Đức	Phenox GmbH/ Đức	Hộp/1 cái	Cái	6	235.000.000	1.410.000.000
36	110	Vi dây dẫn can thiệp mạch vành CTO, đường kính 0.014", dài 180 - 330cm	2	64	352.000.000	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch (Miracle 3, Miracle 6, Miracle 12, ULTIMATE bros 3, Conquest Pro, Conquest Pro 8-20, Fielder XT, Fielder XT-A, Fielder XT-R, RG3, Gaia First, Gaia Second, Gaia Third, Sion Black, SUOH 03)	AG14M050, AG14M060, AG14M070, AHW14S003S, AHW14S303S, AHW14S003J, AHW14S303J, AGH143090, AGH143091, AGH143092, AGP140001, AGP140301, AGP140001J, AGP140002, AGP140302, APW14R009S, APW14R309S, APW14R005S, APW14R305S, AHW10S302S, AHW14R007P, AHW14R307P, AHW14R008P, AHW14R308P, AHW14R011P, AHW14R311P, APW14R010S, APW14R010J, APW14R310S, APW14R310J, AHW14S013S, AHW14S013P, AHW14S313S, AHW14S313P	Asahi Intecc (Thailand) Co.,Ltd.	Thái Lan	Asahi Intecc Co.,Ltd/ Nhật Bản	Gói/1 cái	Cái	64	5.500.000	352.000.000

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
37	111	Bóng nong điều trị hẹp tắc mạch máu não, đường kinh bóng 1.25-4.0mm	3	6	69.000.000	Bóng nong mạch máu thần kinh PITA Dilatation Balloon Catheter	PITA-125-10, PITA-150-10, PITA- 200-10, PITA-225-10, PITA-250-10, PITA-275-10, PITA-300-10, PITA- 350-10, PITA-400-10, PITA-125-15, PITA-150-15, PITA-200-15, PITA- 225-15, PITA-250-15, PITA-275-15, PITA-300-15, PITA-350-15, PITA- 400-15, PITA-125-20, PITA-150-20, PITA-200-20, PITA-225-20, PITA- 250-20, PITA-275-20, PITA-300-20, PITA-350-20, PITA-400-20, PITA- 200-25, PITA-225-25, PITA-250-25, PITA-275-25, PITA-300-25, PITA- 350-25, PITA-400-25, PITA-200-30, PITA-225-30, PITA-250-30, PITA- 275-30, PITA-300-30, PITA-350-30, PITA-400-30, PITA-200-35, PITA- 225-35, PITA-250-35, PITA-275-35, PITA-300-35, PITA-350-35, PITA- 400-35, PITA-200-40, PITA-225-40, PITA-250-40, PITA-275-40, PITA- 300-40, PITA-350-40, PITA-400-40	Phenox GmbH	Đức	Phenox GmbH/ Đức	hộp/1 cái	Cái	6	11.500.000	69.000.000
38	114	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, sợi bên Tungsten phủ hydrophilic	2	193	1.930.000.000	Vi ống thông can thiệp Asahi Masters PARKWAY HF KIT	WMST105-27HFK, WMST125-27HFK, WMST105-27HFKM, WMST125-27HFKM	Asahi Intecc (Thailand) Co.,Ltd.	Thái Lan	Asahi Intecc Co.,Ltd/ Nhật Bản	Hộp/1 bộ	Bộ	193	10.000.000	1.930.000.000
		Tổng cộng:	4	danh mục										Giá trị:	3.761.000.000
16. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần trang thiết bị y tế Trọng Tín (Mã HSDX: 17)															
39	143	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 đường, bằng polyurethane, 24G dài 20cm	6	20	16.800.000	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng 24G dài 20cm CentraLine cho sơ sinh	HO-7020 Biometrix	Biometrix	Israel	Biometrix/ Israel	Hộp/10 bộ	Bộ	20	840.000	16.800.000
		Tổng cộng:	1	danh mục										Giá trị:	16.800.000
17. Tên nhà thầu: Công ty TNHH TM DV H.T.L (Mã HSDX: 18)															
40	103	Máy tạo nhịp, phá rung 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng 26 - 28g	3	12	1.068.000.000	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng SPHERA DR, có đáp ứng, SureScan MRI, phụ kiện chuẩn	SPHERA DR	Medtronic	Singapore	Medtronic, Inc/ Hoa Kỳ	Hộp/1 bộ	Bộ	12	89.000.000	1.068.000.000
		Tổng cộng:	1	danh mục										Giá trị:	1.068.000.000

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
18. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế Ki Ta Pi Da (Mã HSDX: 19)															
41	61	Bộ bơm áp lực trong can thiếp mạch, kèm van dạng Copilot chống rỉ máu	4	200	316.000.000	Bộ bơm bóng áp lực có van loại Copilot chống rỉ máu	10033xx	Abbott Vascular	Mỹ, Mexico	Abbott Vascular/ Mỹ	Hộp/ 1 bộ	Bộ	200	1.580.000	316.000.000
42	80	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính 1.2 - 5mm, dài 6 - 30mm	4	50	412.500.000	Bóng nong mạch vành áp lực thường bán dẫn hồi Pebax loại Trek/ Mini Trek/ Traveler (các cỡ)	10130xx-xx	Abbott Vascular	Costa Rica	Abbott Vascular/ Mỹ	Hộp/ 1 cái	Cái	50	8.250.000	412.500.000
		Tổng cộng:	2	danh mục										Giá trị:	728.500.000
19. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu trang thiết bị y tế Tâm Thu (Mã HSDX: 20)															
43	104	Máy tạo nhịp, phá rung 1 buồng, trọng lượng 74 - 75g	3	9	2.610.000.000	RIVACOR 3 VR-T + PLEXA PROMRI S 65	429574 + 402266	Biotronik SE &Co.KG	Đức	Biotronik SE & Co. KG/ Đức	Hộp/1 bộ	Bộ	9	290.000.000	2.610.000.000
		Tổng cộng:	1	danh mục										Giá trị:	2.610.000.000
20. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Đạt Phú Lợi (Mã HSDX: 21)															
44	53	Vòng bảo vệ chống loét da	3	64	4.166.400	Vòng bảo vệ da chống loét bằng Hollister 98mm	7806	Hollister Incorporated	Mỹ	Hollister incorporated/ Mỹ	Hộp/10 cái	Cái	64	65.100	4.166.400
		Tổng cộng:	1	danh mục										Giá trị:	4.166.400
21. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức (Mã HSDX: 22)															
45	75	Bộ dụng cụ bung dù đóng lỗ tiểu nhĩ	3	38	327.180.000	Amplatzer TorqVue Delivery Systems/ Amplatzer Trevisio Delivery Systems ASD, PFO, VSD	9-ITV06F45/60; 9- ITV07F45/60; 9- ITV08F45/60; 9- ITV07F45/80; 9- ITV08F45/80; 9- ITV09F45/80; 9- ITV10F45/80; 9- ITV12F45/80; 9- ITV13F45/80;	Abbott Medical	USA	Abbott Medical/ Mỹ	hộp/ 1 bộ	Bộ	38	8.610.000	327.180.000

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
46	76	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ loại có khẩu kính nén nhỏ	3	40	1.833.760.000	Amplatzer ASD Occluder	9-ASD-004; 9-ASD-005; 9- ASD-006; 9-ASD-007; 9- ASD-008; 9-ASD-009; 9- ASD-010; 9-ASD-011; 9- ASD-012; 9-ASD-013; 9- ASD-014; 9-ASD-015; 9- ASD-016; 9-ASD-017; 9- ASD-018;	Abbott Medical/ St.Jude Medical Costa Rica Ltda	USA/ Costa Rica	Abbott Medical/ Mỹ	Hộp/1 cái	Cái	40	45.844.000	1.833.760.000
47	153	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 3.0 - 12.0mm	3	40	336.000.000	Passeo-35 HP	399056; 399057; 399058; 399059; 399060; 399061; 399062; 399063; 399064; 399065; 399066; 399067; 399068; 399069; 399070; 399071; 399072; 399073; 399074; 399075; 399076; 399077; 399078; 399079; 399080; 399081; 399082; 399083; 399084; 399085; 399086; 399087; 399088; 399089; 399090; 399091; 399092; 399093; 399094; 399095; 399096; 399097.	Creagh Medical Limited	Ireland	Creagh Medical Ltd./ Ireland	Hộp/ 1 cái	cái	40	8.400.000	336.000.000

Handwritten signature

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
48	154	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 1.5 - 4.0mm	3	20	168.000.000	Passeo-14	380271; 380272; 380273; 380274; 380275; 380276; 380277; 380278; 380279; 380280; 380281; 380282; 380283; 380284; 380285; 380286; 380287; 380288; 380290; 380291; 380292; 380293; 380294; 380296; 380297; 380298; 380299; 380300; 380302; 380303; 380304; 380308; 380309; 380310; 380313; 380314; 380315; 380316; 380317; 380318; 380319; 380320; 380321; 380322; 380323; 380324; 380325; 380326; 380327; 380328; 380329; 380330; 380332; 380334; 380335; 380336; 380337; 380338; 380339; 380340; 380341; 380342; 380344; 380345; 380346; 380350; 380351; 380352	Biotronik AG	Thụy Sĩ	Biotronik AG/ Thụy Sĩ	Hộp/ 1 cái	cái	20	8.400.000	168.000.000
		Tổng cộng:	4	danh mục										Giá trị:	2.664.940.000
22. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thiết bị Y tế Khải Vinh (Mã HSDX: 24)															
49	66	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch, đường kính 5 - 7Fr, dài 25cm	1	25	17.250.000	Radifocus Introducer II (Long sheath)	RS*B60K25AQ. RS*xxx (Các cỡ)	Công ty TNHH Terumo Việt Nam	Việt Nam	Terumo Corporation/ Nhật Bản	Hộp/5 bộ	bộ	25	690.000	17.250.000
50	67	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch, đường kính 4 - 10Fr, dài 7 - 10cm	3	570	313.500.000	Radifocus Introducer II	RS*A40G07SQ; RS*A40K10SQ; RS*A50G07SQ; RS*A50K10SQ; RS*A60G07SQ; RS*A60K10SQ; RS*A70K10SQ; RS*A80K10SQ; RS*A90K10SQ; RS*A10K10SQ	Công ty TNHH Terumo Việt Nam/ Ashitaka Factory of Terumo Corporation	Việt Nam/ Nhật	Terumo Corporation/ Nhật Bản	Hộp/ 5 cái	cái	570	550.000	313.500.000
51	68	Bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, cỡ 7Fr - 9Fr	4	20	370.000.000	Rediguard	IAB-R950-U, IAB-S730C, IAB-S840C	Arrow International LLC	Mỹ	Arrow International LLC (subsidiary of Teleflex, Incorporated)/ Hoa Kỳ	Hộp/ 1 Bộ	Bộ	20	18.500.000	370.000.000

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
52	69	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính 2.0 - 5.0mm, dài 6 - 30mm	3	80	472.000.000	Accuforce	DC-RM2512HHW; DC-RM2515HHW; DC-RM2712HHW; DC-RM2715HHW; DC-RM3012HHW; DC-RM3015HHW; DC-RM3020HHW; DC-RM3212HHW; DC-RM3215HHW; DC-RM3512HHW; DC-RM3515HHW; DC-RM3520HHW; DC-RM3712HHW; DC-RM3715HHW; DC-RM4012HHW; DC-RM4015HHW; DC-RM4512HSW; DC-RM4515HSW; DC-RM5012HSW	Ashitaka Factory of Terumo Corporation	Nhật	terumo Corporation/ Nhật Bản	Hộp/ 1 Cái	Cái	80	5.900.000	472.000.000
53	70	Catheter chẩn đoán điện sinh lý 4 điện cực, độ cong cố định, cỡ 4 - 6Fr	3	80	600.000.000	Supreme Electrophysiology Catheters (Quadripolar)	401448 401450; 401449; 401860; 401451 (Các cỡ)	St. Jude Medical/ St. Jude Medical Costa Rica Ltda	Mỹ/ Costa Rica	St. Jude Medical/ Mỹ	Hộp/ 1 cây	cây	80	7.500.000	600.000.000
54	71	Ống thông chẩn đoán, can thiếp mạch máu tạng, dài 70 - 100cm	3	150	180.000.000	Radifocus Glidacath (Yashiro Type)	RF*XG95107M; RF*XG95110M	Ashitaka Factory of Terumo Corporation	Nhật	Terumo Corporation/ Nhật Bản	Hộp/ 3 cái	Cái	150	1.200.000	180.000.000
55	72	Dây dẫn can thiệp mạch vành, đường kính 0.014"	3	1.300	3.120.000.000	Runthrough NS PTCA Guide Wire	TW-AS418FA; TW-DS418IA; TW-DS418FH; TW- AS418XA	Ashitaka Factory of Terumo Corporation	Nhật	Terumo Corporation/ Nhật Bản	Hộp/ 5 cái	Cái	1.300	2.400.000	3.120.000.000
56	81	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính 1.0 - 4.0mm, dài 5 - 40mm	1	20	118.000.000	Ryurei	DC-RR1005HH; DC-RR3020HHW (Các cỡ)	Ashitaka Factory of Terumo Corporation	Nhật	Terumo Corporation/ Nhật Bản	Hộp/ 1 Bộ	Bộ	20	5.900.000	118.000.000
57	82	Ống thông dẫn đường hỗ trợ xuyên vách, dài 61 - 82cm	2	3	75.000.000	Agilis NxT Steerable Introducer	408310	St. Jude Medical/ St. Jude Medical Costa Rica Ltda	USA/ Costa Rica	St. Jude Medical/ Hoa Kỳ	Hộp/ 1 cái	Cái	3	25.000.000	75.000.000
58	83	Ống thông chẩn đoán, can thiếp mạch máu tạng, dài 40 - 125cm	3	25	42.600.000	Torcon NB Advantage Catheter	HNB5.0/- (các cỡ)	Cook Incorporated	Mỹ	Cook Incorporated/ Hoa Kỳ	Hộp/ 1 cái	Cái	25	1.704.000	42.600.000
59	89	Cáp nối catheter cắt đốt điện sinh lý, độ cong 2 chiều, dài 150 - 300 cm	3	4	44.000.000	Catheter Extension Cable (Safire)	402560; 402561 (Các cỡ)	St. Jude Medical	United States	St. Jude Medical/ Hoa Kỳ	hộp/ 1 dây	dây	4	11.000.000	44.000.000

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
60	90	Dây dẫn đường chẩn đoán phù lớp ái nước, dài 150cm	1	2.000	1.040.000.000	Radifocus Guide Wire M (Dài 150 cm)	RF*GA35153M; RF*GS35153M (Các cỡ)	Công ty TNHH Terumo Việt Nam	Việt Nam	Terumo Corporation/ Nhật Bản	Hộp/ 5 cái	Cái	2.000	520.000	1.040.000.000
61	91	Ống thông chẩn đoán tim đa năng, có cấu trúc lưới kép, các cỡ	1	129	81.270.000	Radifocus Optitorque (MultiPurpose)	RH*4MP4020M; RH*5MP4020M (Các cỡ)	Ashitaka Factory of Terumo Corporation	Japan	Terumo Corporation/ Nhật Bản	Hộp/ 5 cái	Cái	129	630.000	81.270.000
62	92	Ống thông chẩn đoán tim, các cỡ	1	12	7.560.000	Radifocus Optitorque (Angled Pigtail)	RH*4AP4561M; RH*5AP4561M (Các cỡ)	Ashitaka Factory of Terumo Corporation/ Công ty TNHH Terumo Việt Nam	Japan/ Việt Nam	Terumo Corporation/ Nhật Bản	Hộp/ 5 cái	Cái	12	630.000	7.560.000
63	93	Bộ stent graft hỗ trợ điều trị bóc tách động mạch chủ ngực, bằng nitinol bao phủ lớp polyester, dành cho bóc tách động mạch chủ, cơ chế kéo thả	1	3	870.000.000	Zenith Alpha Thoracic Endovascular Graft/ Zenith TX2 Dissection Endovascular Graft	ZTA-P-xx-xxx; ZTA-PT-xx-xx-xxx/ ZDEG-P-xx-xxx-PF; ZDEG-PT-xx-xxx-PF	William Cook Europe Aps	Đan Mạch	William Cook Europe Aps/ Đan Mạch	Hộp/ 1 cái	Cái	3	290.000.000	870.000.000
64	94	Cáp nối Catheter chẩn đoán điện sinh lý 4 điện cực, độ cong cố định	1	10	63.000.000	Supreme Electrophysiology extension cable	401980; 401981; 401983; 401985	St. Jude Medical	Mỹ	St. Jude Medical/ Mỹ	Hộp/ 1 cái	Cái	10	6.300.000	63.000.000
65	95	Ống thông can thiệp mạch vành, cỡ 5 - 7Fr	1	100	240.000.000	Heartrail II	GC-F6BL300N; GC-F6JR350N (Các cỡ)	Ashitaka Factory of Terumo Corporation	Nhật Bản	Terumo Corporation/ Nhật Bản	Hộp/ 1 cái	Cái	100	2.400.000	240.000.000
66	96	Ống thông chụp mạch vành đường quay đa năng trái và phải, cỡ 5Fr	5	774	534.060.000	Outlook	RQ*5TIG110M; RQ*5TIG112M	Ashitaka Factory of Terumo Corporation	Nhật Bản	Terumo Corporation/ Nhật Bản	Hộp/ 5 cái	Cái	774	690.000	534.060.000
67	97	Dây dẫn đường chẩn đoán phù lớp ái nước, dài 260cm.	3	350	241.500.000	Radifocus Guide Wire M (Dài 260 cm)	RF*GA35263M; RF*GS35263M (Các cỡ)	Công ty TNHH Terumo Việt Nam	Việt Nam	Terumo Corporation/ Nhật Bản	Hộp/ 5 cái	Cái	350	690.000	241.500.000
		Tổng cộng:	19	danh mục										Giá trị:	8.429.740.000

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
23. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Y Nha Khoa 3D (Mã HSDX: 25)															
68	150	Vít loại nhỏ cố định xương gãy vùng hàm mặt	6	480	67.200.000	Vít cố định đk 2., dài các cỡ màu tím	Vít cố định O19006/ Vít cố định O19008/ Vít cố định O19010/ Vít cố định O19012/ Vít cố định O19014/ Vít cố định O19016/ Vít cố định O19018/ Vít cố định O19020	Osteonic	Hàn Quốc	Osteonic/ Hàn Quốc	Gói/10 cái	Cái	480	140.000	67.200.000
		Tổng cộng:	1	danh mục										Giá trị:	67.200.000
24. Tên nhà thầu: Công ty TNHH IDS Medical Systems Việt Nam (Mã HSDX: 26)															
69	62	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay, cỡ 4 - 6Fr, dài 7 - 23cm	1	800	416.000.000	Prelude Radial	PSI-4F-7-018; PSI-5F-7- 018; PSI-6F-7-018, PSI-4F- 11-018; PSI-5F-11-018; PSI-6F-11-018	Merit Medical Systems, Inc	Mỹ	Merit Medical Systems, Inc/ Mỹ	Hộp/5 cái	Cái	800	520.000	416.000.000
70	63	Xi măng hóa học tạo thân sống, tương thích vít cột sống đa trục rỗng 4 lỗ bơm xi măng	3	10	60.000.000	Xi măng sinh học dùng trong tạo hình đốt sống Mendec	1230	Tecres S.p.A	Ý	Tecres S.p.A/ Ý	Hộp/1 lọ	Hộp	10	6.000.000	60.000.000
71	106	Ông thông chẩn đoán tim mạch, dạng JL, JR, AL, AR, Pigtail, các cỡ	2	300	128.400.000	Performa (JL, JR, AL, AR)	7521-21; 7523-21; 7529- 23; 7533-13; 7531-13; 1628-045; 1628-047; 7521-13; 7521-33; 7521- 43; 7521-63; 7521-F1; 7523-13; 7523-33; 7523- 43; 7523-53; 7523-63; 7700-10; 7700-20; 7701- 10; 7701-20; 7527-13; 7527-23; 7528-13; 7528- 23; 7529-43; 7529-53; 7534-13; 7534-23	Merit Maquiladora Mexico, S. DE R.L. DE C.V/ Merit Medical Systems, Inc	Mỹ/ Mexico	Merit Medical Systems, Inc./ Hoa Kỳ	Hộp/10 cái	Cái	300	428.000	128.400.000
		Tổng cộng:	3	danh mục										Giá trị:	604.400.000
25. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ và Sản xuất Việt Tường (Mã HSDX: 27)															
72	151	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính 1.5-> 4.5mm, dài 8-> 30mm	1	25	206.250.000	Bóng nong mạch vành non- compliance RAIDEN 3, các kích cỡ	RD3-8-150-> RD3-30-400	Kaneka	Nhật	Kaneka/ Nhật	Hộp/ 1 cái	cái	25	8.250.000	206.250.000
		Tổng cộng:	1	danh mục										Giá trị:	206.250.000

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
26. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Novamedic Việt Nam (Mã HSDX: 28)															
73	64	Bóng nong can thiệp động mạch cánh và ngoại biên, đường kính 4 - 6mm	1	30	252.000.000	Bóng nong dùng can thiệp mạch máu ngoại biên Sterling Balloon Dilatation Catheter	H74939031xxxxxxH74939032xxxxxxH74939148xxxxxx	Boston Scientific corporation	USA	Boston Scientific corporation/ Mỹ	Hộp/ 1 cái	Cái	30	8.400.000	252.000.000
74	65	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 3 - 12mm, dài 20 - 200mm	2	16	134.400.000	Bóng nong dùng can thiệp mạch máu ngoại biên Mustang Balloon Dilatation Catheter	H74939171xxxxxx	Boston Scientific Limited	Ireland	Boston Scientific corporation/ Mỹ	Hộp/ 1 cái	Cái	16	8.400.000	134.400.000
75	107	Ông thông dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên tắc mãn tính, dài 65 - 150cm	3	50	164.500.000	Ông thông hỗ trợ can thiệp mạch ngoại biên Rubicon Support Catheter	H74939212014xxx H74939239018xxx H74939240035xxx	Boston Scientific corporation	Mỹ	Boston Scientific corporation/ Mỹ	Hộp/5 cái	Cái	50	3.290.000	164.500.000
76	108	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên, tự bung, đường kính 5 - 14mm, chiều dài 20 - 120mm	3	10	285.000.000	Khung giá đỡ (Stent) can thiệp mạch máu ngoại biên Epic Self - Expanding Stent System	H74939054XXXXXX	Boston Scientific Limited	Ireland	Boston Scientific corporation/ Mỹ	Hộp/ 1 cái	Cái	10	28.500.000	285.000.000
		Tổng cộng:	4	danh mục										Giá trị:	835.900.000
27. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thiết bị y tế Danh (Mã HSDX: 29)															
77	112	Dây dẫn can thiệp mạch não, đường kính 0.014", 0.012"	3	70	420.000.000	Dây dẫn can thiệp mạch não Traxcess các loại	GW1420040 GW1420040X GW14100EX	MicroVention, Inc; Terumo Corporation Ashitaka Plant, Nhật bản	USA/ Nhật	MicroVention Inc/ Mỹ	Gói/1 cái	Cái	70	6.000.000	420.000.000
78	113	Vòng xoắn kim loại dạng coils điều trị nút phình mạch máu não, đường kính 1 - 24mm	4	500	6.750.000.000	Vòng xoắn kim loại bít túi phình mạch-Coils	1xxxxxCSSR-V, 1xxxxxHC-R-V, 1xxxxxHC-S-V, 1xxxxxHCSR-S-V, 1xxxxxHCSR-R-V, 1xxxxxHS-V, VFCxxxxxx-V, 1xxxxxCS-V, 1xxxxxCC-V, 1xxxxxHS3D-V	Micro Vention, Inc. Micro Vention Costa Rica, S.R.L	USA/ Costa Rica	MicroVention Inc/ Mỹ	Hộp/ 1 cái	Cái	500	13.500.000	6.750.000.000
		Tổng cộng:	2	danh mục										Giá trị:	7.170.000.000
28. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông (Mã HSDX: 30)															
79	55	Quả lọc, màng lọc máu loại 1.5m², sợi lọc có gắn heparin và hệ thống dây dẫn đi kèm, tương thích máy Prisma flex	3	120	2.052.000.000	Bộ quả lọc máu liên tục có gắn heparin OXIRIS	112016	Gambro Industries	Pháp	Gambro Industries/ Pháp	Thùng/ 4 bộ	Bộ	120	17.100.000	2.052.000.000
		Tổng cộng:	1	danh mục										Giá trị:	2.052.000.000

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
29. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Công Nghệ Xanh (Mã HSDX: 31)															
80	43	Dụng cụ khâu nối thẳng nội soi 60mm gấp góc đa năng, sử dụng pin	4	50	816.904.200	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc sử dụng pin với công nghệ giữ mô bề mặt ECHELON FLEX	PSEE45A/PSEE60A	Nypro Healthcare Baja Inc., Mexico	Mexico	Ethicon Endo- Surgery, LLC/ Hoa Kỳ	Hộp/ 3 cái	Cái	50	16.338.084	816.904.200
81	45	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng, 60mm	4	204	549.534.384	Băng ghim cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi Endopath Echelon với công nghệ giữ mô bề mặt	GST60W/B/D/G	Nypro Healthcare Baja Inc., Mexico	Mexico	Ethicon Endo- Surgery, LLC/ Hoa Kỳ	Hộp/ 12 cái	Cái	204	2.693.796	549.534.384
82	46	Dao mổ siêu âm hàn, cắt mô, mạch máu trong mô nội soi, dài 30-40cm	2	232	4.012.574.328	Dao siêu âm HARMONIC ACE với công nghệ thích ứng mô HAR36	HAR36	Ethicon Endo- Surgery S.A. de C.V. Phanta II, Mexico	Mexico	Ethicon Endo- Surgery, LLC/ Hoa Kỳ	Hộp/ 6 cái	Cái	232	17.295.579	4.012.574.328
83	48	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng, 21-33mm	4	23	207.738.300	Dụng cụ khâu cắt nối vòng đầu cong các cỡ Ethicon Endo-Surgery	CDH21A/ CDH25A/ CDH29A/ CDH33A/ CDH21B/ CDH25B/ CDH29B/ CDH33B	Nypro Healthcare Baja Inc., Mexico	Mexico	Ethicon Endo Surgery, LLC, Mỹ	Hộp/ 3 bộ	Bộ	23	9.032.100	207.738.300
84	49	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 45mm	4	180	484.883.280	Băng ghim cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi Endopath Echelon với công nghệ giữ mô bề mặt	GST45W; GST45B; GST45D; GST45G;	Nypro Healthcare Baja Inc., Mexico	Mexico	Ethicon Endo- Surgery, LLC/ Mỹ	Hộp/ 12 cái	Cái	180	2.693.796	484.883.280
85	50	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, 45mm	2	11	147.539.238	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc Echelon Flex ENDOPATH	EC45A, EC60A	Nypro Healthcare Baja Inc., Mexico	Mexico	Ethicon Endo- Surgery, LLC/ Mỹ	Hộp/ 3 cái	cái	11	13.412.658	147.539.238
Tổng cộng:			6	danh mục										Giá trị:	6.219.173.730
30. Tên nhà thầu: Công ty TNHH thương mại thiết bị y tế An Lợi (Mã HSDX: 32)															
86	20	Bộ phận truyền xung động siêu âm tương thích với dao siêu âm	2	15	767.103.750	Dây dao Harmonic	HP054	Ethicon Endo- Surgery S.A. De C.V. Planta II	Mexico	Ethicon Endo- Surgery, LLC/ Hoa Kỳ	1 cái (chiếc)/ Hộp	Cái	15	51.140.250	767.103.750
87	21	Dao mổ siêu âm dùng mổ mở, lưỡi cong dài 16- 20mm	2	5	56.452.410	Dao siêu âm Harmonic Focus mổ mở cán dài	HAR17F	Ethicon Endo- Surgery S.A. De C.V. Planta II	Mexico	Ethicon Endo- Surgery, LLC/ Hoa Kỳ	6 cái (chiếc)/ Hộp	Cái	5	11.290.482	56.452.410

Handwritten signature

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
88	22	Dây dao siêu âm tương thích với dao siêu âm	2	10	496.408.500	Dây dao xanh dương Harmonic	HPBLUE	Ethicon Endo-Surgery S.A. de C.V. Planta II	Mexico	Ethicon Endo-Surgery, LLC/ Hoa Kỳ	1 cái (chiếc)/ Hộp	Cái	10	49.640.850	496.408.500
89	23	Dao mổ siêu âm hàn, cắt mô, mạch máu trong mô mỡ, cán dao dài 8-10 cm	2	168	1.963.278.240	Dao siêu âm mỡ mở với công nghệ thích ứng mô Harmonic Focus	HAR9F	Ethicon Endo-Surgery S.A. de C.V. Planta II; NPA de Mexico S. de R.L. de C.V.,	Mexico	Ethicon Endo-Surgery, LLC/ Hoa Kỳ	6 cái (chiếc)/ Hộp	Cái	168	11.686.180	1.963.278.240
90	24	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng, 60mm	2	18	241.427.844	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc Echelon Flex 60 ENDOPATH	EC60A	Nypro Healthcare Baja Inc.,	Mexico	Ethicon Endo-Surgery, LLC/ Hoa Kỳ	3 cái (chiếc)/ Hộp	cái	18	13.412.658	241.427.844
		Tổng cộng:	5	danh mục										Giá trị:	3.524.670.744
31. Tên nhà thầu: Tổng công ty BHYT Việt Nam - CTCP (Mã HSDX: 33)															
91	118	Chuôi nối dài xương chày	6	2	25.920.000	Chuôi nối dài xương chày	2703-xxxx	United Orthopedic Corporation	Đài Loan	United Orthopedic Corporation/ Đài Loan	Hộp/1 bộ	bộ	2	12.960.000	25.920.000
92	119	Chuôi nối dài xương đùi	6	2	32.320.000	Chuôi nối dài xương đùi	2703-xxxx; 2903-xxxx	United Orthopedic Corporation	Đài Loan	United Orthopedic Corporation/ Đài Loan	Hộp/1 bộ	bộ	2	16.160.000	32.320.000
93	120	Miếng ghép bù xương mâm chày	6	2	23.200.000	Miếng ghép bù xương mâm chày	2803-xxxx	United Orthopedic Corporation	Đài Loan	United Orthopedic Corporation/ Đài Loan	hộp/ 1 cái	Cái	2	11.600.000	23.200.000
94	121	Miếng ghép bù xương phía sau lõi cầu đùi	6	2	23.200.000	Miếng ghép bù xương lõi cầu	2603-xxxx	United Orthopedic Corporation	Đài Loan	United Orthopedic Corporation/Đài Loan	hộp/ 1 cái	Cái	2	11.600.000	23.200.000
		Tổng cộng:	4	danh mục										Giá trị:	104.640.000
32. Tên nhà thầu: Công ty TNHH trang thiết bị y tế Anh Khoa (Mã HSDX: 34)															
95	33	Dao mổ siêu âm phối hợp điện lưỡng cực hàn, cắt mô, mạch máu trong mô mỡ, cán dao dài 30-40cm, đường kính 5mm	3	6	115.800.000	Dao THUNDERBEAT 5 mm, 35cm , tay cầm phía trước, Loại S	TB-0535FCS	Olympus	Nhật Bản	Olympus Medical Systems Corp-Nhật Bản	Hộp/1 cái	Cái	6	19.300.000	115.800.000
		Tổng cộng:	1	danh mục										Giá trị:	115.800.000

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
33. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Công Nghệ Y học Chí Anh (Mã HSDX: 35)															
96	59	Dây nối lấy thuốc dùng với máy bơm cân quang	3	300	256.410.000	Bộ truyền thuốc - Pump Tubing	XD 8003	Ulrich GmbH & Co.KG	Italy (European Union)	Ulrich GmbH & Co.KG /CHLB Đức	hộp/ cái	Cái	300	854.700	256.410.000
97	60	Dây nối dùng với dây lấy thuốc, dài 2.5m	3	300	22.522.500	Dây truyền cho từng bệnh nhân- Patient Hose	XD 2040	Ulrich GmbH & Co.KG	Germany (European Union)	Ulrich GmbH & Co.KG/CHLB Đức	Gói/10 cái	cái	300	75.075	22.522.500
		Tổng cộng:	2	danh mục										Giá trị:	278.932.500
34. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Y Khoa Việt Long (Mã HSDX: 36)															
98	52	Ống thông thẩm phân phúc mạc cấp tính hoặc mãn tính và hóa trị liệu trong màng bụng cho người lớn	4	12	34.800.000	Peritoneal Dialysis Catheter- Curl Cath, 2 cuffs, 62cm	8888422170	Cardinal Health Costa Rica, S.A	Costa Rica	Covidien LLC/Mỹ	5 cái / hộp	Cái	12	2.900.000	34.800.000
		Tổng cộng:	1	danh mục										Giá trị:	34.800.000
35. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần thiết bị y tế Việt Gia (Mã HSDX: 37)															
99	73	Bộ nong dưới da dùng khi đặt cannula ECMO, phủ chất chống đông	4	16	49.600.000	Bộ nong dưới da các cỡ	PIK100; PIK150.	Maquet Cardiopulmonary medikal Teknik San. Tic. Ltd. Sti	Thổ Nhĩ Kỳ	Maquet Cardiopulmon ary GmbH/ Đức	Hộp/1 Bộ	Bộ	16	3.100.000	49.600.000
100	88	Cannula tĩnh mạch ECMO dùng trong oxy hóa máu qua màng ngoài cơ thể, cỡ 19 - 29Fr	4	13	218.400.000	Cannula ECMO tĩnh mạch 1 nòng các cỡ	BE-PVS: 1938, 2138, 2338, 2538 BE-PVL: 2155, 2355, 2555, 2955	Maquet Cardiopulmonary medikal Teknik San. Tic. Ltd. Sti	Thổ Nhĩ Kỳ	Maquet/ Thổ Nhĩ Kỳ	Hộp/1 cái	Cái	13	16.800.000	218.400.000
		Tổng cộng:	2	danh mục										Giá trị:	268.000.000
36. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần thiết bị y tế Hoàng Nga (Mã HSDX: 38)															
101	77	Bộ thả dù đóng thông liên nhĩ	6	10	56.500.000	Cocoon Septal Delivery	COA6F đến COA14F; COA5F đến COP9F	Vascular Innovations	Thái Lan	Vascular Innovations Co. Ltd/ Thái Lan	Hộp/1 cái	Cái	10	5.650.000	56.500.000

Handwritten signature

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
102	78	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ, đường kính 4 - 44mm	6	10	343.600.000	Cocoon Septal Occluder (ASD)	COA	Vascular Innovations	Thái Lan	Vascular Innovations Co. Ltd/ Thái Lan	Hộp/1 cái	Cái	10	34.360.000	343.600.000
		Tổng cộng:	2	danh mục										Giá trị:	400.100.000
37. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Việt Y (Mã HSDX: 39)															
103	148	Khớp gối toàn phần cổ định, lõi cầu và mâm chày phủ Zirconium nitride, mâm chày có chuỗi nối dài, góc gấp tối đa 160 độ, xi măng có kháng sinh	3	2	144.000.000	Bộ khớp gối được thiết kế linh hoạt với nhiều cỡ trung gian giúp tăng cường độ an toàn và độ gấp duỗi lên đến 160 độ, loại Personal	NX004K→NX036K NX049K→NX058K NX100→NX0155 NX041→NX043	Aesculap AG	Đức	Aesculap AG/ Đức	Gối/ 1 bộ	Bộ	2	72.000.000	144.000.000
		Tổng cộng:	1	danh mục										Giá trị:	144.000.000
38. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần dược phẩm thiết bị y tế Hà nội (Mã HSDX: 40)															
104	1	Vật liệu cầm máu tự tan bằng cellulose 10 x 20cm.	1	1.548	672.492.996	Vật liệu cầm máu SURGICEL Original	W1912	Ethicon SARL	Thụy Sĩ	Ethicon SARL/ Thụy Sĩ	Hộp/ 12 miếng	Miếng	1.548	434.427	672.492.996
105	2	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 2/0	1	24	3.355.632	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi PROLENE số 2/0	W8977	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC/ Mỹ	Hộp / 12 tệp	Tệp	24	139.818	3.355.632
106	6	Chỉ silk không tan tự nhiên đa sợi 2/0, không kim, tệp 13 sợi dài 60cm	6	252	6.059.340	Chỉ phẫu thuật Mersilk 2/0, dài 60cm, không kim, tệp 13sợi x 60cm (W213)	W213	Johnson & Johnson Medical (China) Ltd.,- Trung Quốc	Trung Quốc	Johnson & Johnson Medical (China) Ltd.,- Trung Quốc	Hộp/12 tệp	Tệp	252	24.045	6.059.340
107	7	Chỉ khâu không tan bằng Polypropylene, đơn sợi, 7/0 dài 60cm. 2 Kim tròn đầu tròn dài 9.3mm, 3/8C	1	328	70.009.632	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 7/0, 60cm, 2 kim tròn đầu tròn MultiPass 9.3mm, 3/8C (W8702)	W8702	Ethicon, LLC	USA	Ethicon, LLC - Mỹ	Hộp / 12 tệp	Tệp	328	213.444	70.009.632
108	8	Chỉ không tan đơn sợi polypropylene, 6/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 9.3mm, 3/8C	1	1.836	327.533.220	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 6/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn 9.3mm, 3/8C (8805H)	8805H	Ethicon, LLC	USA	Ethicon, LLC (San Lorenzo)- Mỹ	Hộp 36/tệp	Tệp	1.836	178.395	327.533.220

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
109	9	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone có kháng khuẩn triclosan, dạng không thắt nút có 2 hàng neo ép đối xứng, số 1 dài 45cm	2	36	27.827.604	Chỉ phẫu thuật STRATAFDX SYMMETRIC kháng khuẩn Irgacare MP, số 1 dài 45cm, 1 đầu tự khóa - 1 kim tròn đầu tròn CT dài 40mm 1/2C (SXPP1A405)	SXPP1A405	Ethicon, Inc.	Mexico	Ethicon, Inc./ Mỹ	Hộp/12 tệp	Tệp	36	772.989	27.827.604
110	10	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1, dài 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C	3	2.844	279.926.388	Chỉ phẫu thuật VICRYL PLUS kháng khuẩn Irgacare MP số 1, 90cm, kim tròn CT 40mm, 1/2C (VCP359H)	VCP359H	Ethicon, Inc.	USA	Ethicon, Inc./ Mỹ	Hộp/ 36 tệp	Tệp	2.844	98.427	279.926.388
111	11	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, số 1, dài 70cm. 1 Kim tròn đầu nhọn dài 31mm, 1/2C	3	216	21.550.536	Chỉ phẫu thuật VICRYL PLUS kháng khuẩn Irgacare MP số 1, dài 70cm, kim tròn đầu tròn dài 31mm, 1/2C (VCP9213H)	VCP9213H	Johnson & Johnson Medical GmbH	Đức	Johnson & Johnson International, Belgium	Hộp/36 tệp	Tệp	216	99.771	21.550.536
112	12	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 2/0 dài 70cm, 1 Kim tròn đầu nhọn dài 26mm, 1/2C	1	3.281	268.713.900	Chỉ phẫu thuật VICRYL PLUS kháng khuẩn Irgacare MP số 2/0, 70cm, kim tròn SH 26mm, 1/2C (VCP317H)	VCP317H	Ethicon, Inc.	USA	Ethicon, Inc./ Mỹ	Hộp 36 tệp	Tệp	3.281	81.900	268.713.900
113	13	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 6/0 dài 70cm	2	756	369.879.048	Chỉ phẫu thuật PDS II số 6/0, dài 70cm, 2 kim tròn đầu tròn 9.3mm, 3/8C (Z1712H)	Z1712H	Ethicon, Inc.	Mexico	Ethicon, LLC - Mỹ	Hộp / 36 tệp	Tệp	756	489.258	369.879.048
114	129	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polyglactin 910, đa sợi, 4/0 dài 70cm. 1 Kim tròn đầu nhọn, dài 22mm, 1/2C	1	1.872	229.385.520	Chỉ phẫu thuật VICRYL PLUS kháng khuẩn Irgacare MP số 4/0, dài 70cm, kim tròn SH-1 22mm, 1/2C	VCP310H	Ethicon, Inc.	Mỹ	Ethicon, Inc./ Mỹ	Hộp 36 tệp	Tệp	1.872	122.535	229.385.520
115	130	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 3/0 dài 70cm. 1 Kim tròn đầu nhọn, dài 26mm, 1/2C	1	4.248	329.355.936	Chỉ phẫu thuật VICRYL PLUS kháng khuẩn Irgacare MP số 3/0, 70cm, kim tròn SH plus 26mm, 1/2C	VCP316H	Ethicon, Inc.	Mỹ	Ethicon, Inc./ Mỹ	Hộp 36 tệp	Tệp	4.248	77.532	329.355.936
		Tổng cộng:	12	danh mục										Giá trị:	2.606.089.752
39. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1 (Mã HSDX: 41)															
116	54	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn, loại điện tích màng lọc 0,5 m²	3	12	100.800.000	OMNISET TPE incl FILTER 0,5	7211153	B. Braun Avitum Italy S.p.A	Ý	B. Braun Avitum AG/Đức	Thùng/ 4 bộ	Bộ	12	8.400.000	100.800.000
		Tổng cộng:	1	danh mục										Giá trị:	100.800.000

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
40. Tên nhà thầu: Công ty TNHH DKSH Việt Nam (Mã HSDX: 42)															
117	144	Nút dây catheter	3	15.000	42.000.000	4495101 COMBI RED	4495101	B. Braun Melsungen AG	Đức	B. Braun Melsungen AG/ Đức	Hộp/100 cái	Cái	15.000	2.800	42.000.000
		Tổng cộng:	1	danh mục										Giá trị:	42.000.000
41. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Bảo Nguyên (Mã HSDX: 43)															
118	122	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính 2.0 - 4.0mm, dài 10 - 40mm	3	25	765.450.000	SEQUENT PLEASE NEO (ALL SIZES)	50232xx	B. Braun Melsungen AG Vascular Systems	Đức	B. Braun Melsungen AG/ Đức	Hộp/ 1 bộ	Bộ	25	30.618.000	765.450.000
119	137	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đơn tiêu, chỉ số khúc xạ 1.55	1	50	174.500.000	Thủy tinh thể AcrySof IQ SN60WF	SN60WF	Alcon	Mỹ	Alcon Laboratories, Inc./ Hoa Kỳ	Hộp/ 1 cái	Cái	50	3.490.000	174.500.000
120	138	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco tổng hợp Sodium hyaluronate, Sodium chondroitin sunfate	1	200	121.380.000	Chất nhầy PT phaco DUOVISC 0005710022	0005710022	Alcon	Bỉ	Alcon Laboratories, Inc./ Hoa Kỳ	Hộp	lọ	200	606.900	121.380.000
		Tổng cộng:	3	danh mục										Giá trị:	1.061.330.000
42. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại- dịch vụ kỹ thuật Hoàng Lộc (Mã HSDX: 45)															
121	128	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường bằng polyurethane, cỡ 9Fr, dài 10cm	2	20	42.000.000	Bộ dẫn đường MAC 2 nòng 9Fr 10cm, SI-11142	SI-11142	Arrow (Teleflex)	Mỹ	Arrow (Teleflex)/ Mỹ/ CH Séc	1 Bộ/ gói vô trùng	Cái	20	2.100.000	42.000.000
		Tổng cộng:	1	danh mục										Giá trị:	42.000.000
43. Tên nhà thầu: Liên danh Công ty Cổ phần thiết bị y tế Việt Gia và Công ty TNHH DK Medical (Mã HSDX: 46)															
122	57	Bộ tim phổi nhân tạo (ECMO) trong hồi sức cấp cứu cho người bệnh dưới 20 kg	3	1	59.900.000	Phổi nhân tạo ECMO Rotaflow dùng cho bệnh nhân dưới 20kg (không kèm bộ dây dẫn tuần hoàn)	BE-HMOD 30000	Maquet Cardiopulmonary (Getinge/Maquet)	Đức	Maquet Cardiopulmon ary GmbH/ Đức	01 Hộp/ Bộ	Bộ	1	59.900.000	59.900.000

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	
123	58	Bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, cỡ 7.5Fr	3	12	246.000.000	Bóng đối xung động mạch chủ Linear 7.5Fr các cỡ (25cc, 34cc, 40cc)	0684-00-0478-01 0684-00-0479-01 0684-00-0480-01	Datascope Corporation (Getinge/Maquet)	Mỹ	Datascope Corporation/ Mỹ	01 Hộp/ cái	Cái	12	20.500.000	246.000.000	
		Tổng cộng:	2	danh mục											Giá trị:	305.900.000
44. Tên nhà thầu: Liên danh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương CPC1 - Công ty TNHH Thương Mại Diên Niên (Mã HSDX: 47)																
124	140	Kim gây tê tủy sống cỡ 18G -> 27G	1	8.000	186.480.000	Spinocan	4509900-10/ 4507401-13/ 4507908-10/ 4505905-10/ 4503902-10	B.Braun Aesculap	Nhật	B.Braun Aesculap/ Nhật	Hộp/ 25 cái	Cái	8.000	23.310	186.480.000	
		Tổng cộng:	1	danh mục											Giá trị:	186.480.000
45. Tên nhà thầu: Công ty TNHH thiết bị y tế Thiên Y (Mã HSDX: 48)																
125	25	Đầu dao 23kHz cỡ chuẩn, đường kính 1.98mm, dài 7.98cm. Tương thích với tay dao 23kHz của Dao mổ siêu âm CUSA	3	60	720.000.000	Đầu dao 23kHz cỡ chuẩn (phụ kiện của dao mổ siêu âm)	C4601S	Integra LifeSciences (Ireland) Limited/ Integra NeuroSciences PR	Mỹ/ Ireland	Integra LifeSciences Corporation/ Mỹ	Túi/1 cái	Cái	60	12.000.000	720.000.000	
126	26	Đầu dao nội soi ổ bụng 23kHz, đường kính 1.98mm, dài 30.14cm	3	32	755.200.000	Đầu dao nội soi ổ bụng 23kHz (phụ kiện của dao mổ siêu âm)	C4604ELT	Integra LifeSciences (Ireland) Limited/ Integra NeuroSciences PR	Mỹ/ Ireland	Integra LifeSciences Corporation/ Mỹ	Túi/1 cái	Cái	32	23.600.000	755.200.000	
127	27	Bộ tích hợp dao mổ điện cầm máu, dùng cho tay dao 23kHz	3	77	250.250.000	Bộ tích hợp dao mổ điện cầm máu, dùng cho tay dao 23kHz (phụ kiện của dao mổ siêu âm)	C6623	Integra LifeSciences (Ireland) Limited/ Integra NeuroSciences PR	Ireland / Mỹ	Integra LifeSciences Corporation/ Mỹ	Túi/1 cái	Cái	77	3.250.000	250.250.000	
128	28	Bộ dây bơm cho tay dao 23kHz	3	103	684.950.000	Bộ dây bơm tiết trùng cho tay dao 23kHz (phụ kiện của dao mổ siêu âm)	C3600	Integra LifeSciences (Ireland) Limited/ Integra NeuroSciences PR	Ireland / Mỹ	Integra LifeSciences Corporation/ Mỹ	Túi/1 cái	Cái	103	6.650.000	684.950.000	

STT	STT/ Phần	Tên danh mục	Phân nhóm TT14 theo HSYC	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng SX	Nước SX	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
129	29	Keo sinh học dán màng não và cột sống chống rò dịch não tủy 5ml	4	10	84.000.000	Keo dán màng cứng sinh học tự tiêu 5ml	206520 202050	AvailMed S.A.De C.V. (cho Integra LifeSciences Corporation, Mỹ)	Mexico	Integra LifeSciences Corporation/ Mỹ	Túi/1 tuýp	Tuýp	10	8.400.000	84.000.000
130	30	Đầu mũi dao Micro 36kHz cỡ cong, đường kính 1.57mm, dài 12,15cm	3	3	57.000.000	Đầu lưỡi dao cong (siêu âm)	C4611S	Integra LifeSciences (Ireland) Limited / Integra NeuroSciences PR	Mỹ/ Ireland	Integra LifeSciences Corporation/ Mỹ	Túi/1 cái	Cái	3	19.000.000	57.000.000
		Tổng cộng:	6	danh mục										Giá trị:	2.551.400.000
46. Tên nhà thầu: Công ty TNHH thương mại thiết bị y tế An Pha (Mã HSDX: 49)															
131	85	Cannula truyền dung dịch liệt tim qua gốc động mạch chủ, cỡ 7 - 9Fr, dài 31cm	2	20	51.996.000	Cannulae truyền dung dịch liệt tim qua gốc động mạch chủ trong phẫu thuật tim ít xâm lấn Minimally Invasive Aortic Root (MiAR) (7- 9Fr)12.25 in (31 cm)	11012L 11014L	Medtronic Perfusion Systems	Mỹ	Medtronic Inc, Mỹ	Hộp/10 cái	Cái	20	2.599.800	51.996.000
132	86	Cannula truyền dung dịch liệt tim, đầu silicone, cỡ 12Fr, dài 7.5"	2	25	21.000.000	Cannula truyền dung dịch liệt tim vào lỗ vành DLP High Flow Coronary Artery Ostial Cannulae, 45o (135o),90o angle tip	30212 30112	Medtronic Perfusion Systems	Mỹ	Medtronic Inc, Mỹ	Hộp/20 cái	Cái	25	840.000	21.000.000
133	87	Cannula mạch máu dùng trong tưới trực tiếp mô tạng	2	20	10.080.000	Cannula mạch máu DLP vessel, loại dùng trong tưới trực tiếp mô tạng cỡ 3mm, dài 2in(5.1cm)	30022	Medtronic Perfusion Systems	Mỹ	Medtronic Inc, Mỹ	Hộp/10 cái	Cái	20	504.000	10.080.000
134	105	Ống mẫu sử dụng đo độ đồng máu trong tuần hoàn ngoài cơ thể	3	322	32.834.340	Bộ ống mẫu cho máy đo độ đồng máu ACT Disposable Test Cartridges	402-03	Medtronic Perfusion Systems	Mỹ	Medtronic Inc, Mỹ	Hộp/50 cái	Cái	322	101.970	32.834.340
		Tổng cộng:	4	danh mục										Giá trị:	115.910.340
		Tổng cộng:	134	danh mục											64.772.118.486